TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02-3-2023
V/v: "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thiểu

2. Bà Trần Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Son – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 484/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Hồng G, sinh năm 1990.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Ấp CL, xã CG, huyện GD, tỉnh TN.

(Chị G và anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05-9-2022 và các biên bản làm việc, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng G trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thành T chung sống với nhau vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CG vào năm 2009, sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại gia đình chồng, nữ trang ngày cưới không còn nên chị không yêu cầu giải quyết.

Trong thời gian chung sống với chị, anh T tham gia cờ bạc, không phụ giúp chị về kinh tế, nhiều lần khuyên can nhưng anh T không nghe thậm chí còn đánh chị nên vào năm 2020 vợ chồng chị sống ly thân, nhiều lần anh T bàn việc đoàn tụ nhưng chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên nay chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 20-11-2008 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được nuôi con sau khi hôn và yêu cầu anh T cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng đến khi cháu H thành niên, tự lao động sinh sống được, sau đó chị thay đổi yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 02-02-2023, bị đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:

Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị G. Về con chung: đồng ý giao con chung cho chị G nuôi dưỡng và cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu H thành niên, tự lao động sinh sống được. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Huỳnh Thị Hồng G đối với anh Nguyễn Thành T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 20-11-2008 cho chị G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị G yêu cầu anh T cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu H thành niên, tự lao động sinh sống được, anh T đồng ý nên cần ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị G và anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt nên vụ án vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị G và anh T chung sống với nhau vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CG vào năm 2009 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhân và bảo

vệ. Nay G có yêu cầu ly hôn với anh T Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị G: Theo chị G, trong thời gian chung sống với anh Tgiữa anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T cờ bạc, vợ chồng gây gỗ, anh T đánh chị nên sau khi ly thân nhiều lần anh T bàn việc đoàn tụ nhưng chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa. Đối với anh T khi tòa án tiến hành làm việc cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh T không muốn trình bày nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị G. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của các đương sự xác định giữa chị G và anh T có mâu thuẫn và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 20-11-2008, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và yêu cầu anh T cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H thành niên, tự lao động sinh sống được, qua làm việc anh T đồng ý nên cần ghi nhận là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị G và anh T không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị G và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử sụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Hồng G và anh Nguyễn Thành T. Chị G được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao chị G có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 20-11-2008. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H thành niên, tự lao động sinh sống được hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị G đã nộp theo biên lai thu số 0024680 ngày 06-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị G đã nộp đủ tiền án phí.

Anh T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã CG (01/2009);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kim Quyên